

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/HSST.

Ngày: 26-11-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, TP HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang

2. Bà Bùi Thị Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký TAND khu vực 13, Tp Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Tp Hồ Chí Minh: Ông Trần Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26-11-2025, tại trụ sở TAND khu vực 13, Tp Hồ Chí Minh xét xử vụ án hình sự thụ lý số 57/2025/HSST ngày 29-10-2025 đối với các bị cáo:

1/ Trần Lê Duy K, sinh năm: 2001; Giới tính: Nam.

Trú tại: tổ 2 ấp 4, xã C, huyện P, tỉnh Đồng Nai (Nay là tổ 2, ấp 4, xã P, tỉnh Đồng Nai).

Chỗ ở: tổ 11 ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là tổ 11, ấp L, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do (Thợ cơ khí).

Con ông Trần Văn S và bà Lê Thị H.

Bị cáo có vợ Phạm Thị U, sinh năm: 2002 (Chưa đăng ký kết hôn).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06-6-2025 – Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Phước T, sinh năm: 2000; Giới tính: Nam.

Trú tại: thôn N, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là thôn N, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Chỗ ở: tổ 10 ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là tổ 10 ấp L, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê.

Con ông Nguyễn Thành P và bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Bị cáo có vợ Hoàng Thuỷ T, sinh năm 2004 và 01 người con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06-6-2025 – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã H, Tp Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Đối với hành vi của Trần Lê Duy K:*

Do muốn có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 04-6-2025 đến ngày 06-6-2025, K đã nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Phước T để kiếm lời. Nguồn gốc số ma túy là do K mua của 01 đối tượng tên Ph (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 3.000.000đ/01 lần. Sau khi có ma túy, K đem về khu vực phòng trọ thuộc tổ 11 ấp L, xã H, TP Hồ Chí Minh phân chia thành nhiều gói ma túy có kích thước khác nhau rồi hẹn T đến phòng trọ của K để bán ma túy cho T, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Vào chiều ngày 04-6-2025, K bán cho T 01 gói ma túy với giá 400.000đ.

+ Lần thứ hai: Vào chiều ngày 05-6-2025, K bán cho T 01 gói ma túy với giá 300.000đ.

+ Lần thứ ba: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06-6-2025, K bán cho T 01 gói ma túy với giá 500.000đ.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06-6-2025, khi K đang ở phòng trọ thì Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra, phát hiện K có hành vi tàng trữ trái phép 03 gói ma túy với mục đích để bán kiếm lời nên đã tiến hành lập biên bản thu giữ vật chứng để xử lý theo quy định.

** Đối với hành vi của Nguyễn Phước T:*

Do muốn có tiền tiêu xài và có ma túy để sử dụng nên trong khoảng thời gian từ ngày 04-6-2025 đến 06-6-2025, tại khu vực phòng trọ thuộc tổ 11 ấp L, xã H, TP Hồ Chí Minh, T đã 03 lần mua ma túy của Trần Lê Duy K với số tiền trung bình từ 300.000đ đến 500.000đ/01 gói/01 lần. Sau khi mua được ma túy từ K vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05-6-2025, T đem gói ma túy đến Công viên thuộc ấp V, xã Long Hải bán cho Trần

Thanh H với giá 350.000đ/01 gói. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06-6-2025, tại khu vực phòng trọ thuộc ấp L, xã Long Hải, T chuẩn bị tiếp tục bán cho H 01 gói ma túy với giá 500.000đ nhưng khi T chưa kịp giao ma túy cho H thì Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang đồng thời, thu giữ vật chứng để xử lý.

Tại Cơ quan Công an, Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T khai nhận tàng trữ trái phép số ma túy trên mục đích để bán kiếm lời. Lời khai của Trần Lê Duy K phù hợp với lời khai của Nguyễn Phước T, Trần Thanh H đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số: 342/KTHS-MT ngày 11/6/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là Công an Thành phố Hồ Chí Minh), Kết luận:

Mẫu A1 gửi đến giám định có khối lượng 0,1748 gam, là ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của Nguyễn Phước T.

Mẫu A2 gửi đến giám định có khối lượng 4,0436 gam, là ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của Trần Lê Duy K.

- Về vật chứng thu giữ và xử lý:

Đối với 02 phong bì màu trắng, vụ số 342/1, 342/2 ngày 12-6-2025, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen; 01 (một) vỏ thuốc lá màu xanh, bên ngoài có chữ YETT; 02 (hai) cái bật lửa, đã qua sử dụng; 01 (một) ống nhựa màu vàng, một đầu được cắt nhọn, một đầu được hàn kín và 01 (một) điện thoại di động Vivo màu xanh đen, đã qua sử dụng. Tất cả hiện đã chuyển giao cho Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSKV13 ngày 28-10-2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Tp Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 02 Điều 251; điểm s khoản 01 Điều 51; các Điều 38, 50 BLHS xử phạt các bị cáo Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T với mức án như sau:

Trần Lê Duy K từ 10 năm đến 11 năm tù.

Nguyễn Phước T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Xử lý vật chứng và giao nộp thu nhập bất hợp pháp theo quy định.

Còn các bị cáo K và T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về lo cho gia đình và làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh: Qua lời khai nhận của các bị cáo Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T tại phiên tòa đối chiếu với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thấy hoàn toàn phù hợp. Trên cơ sở đó xác định: Do muốn có tiền tiêu xài nên vào ngày 04-6-2025 K liên hệ mua ma túy của 01 đối tượng tên Ph (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 3.000.000đ. Sau khi có ma túy, K đem về khu vực phòng trọ thuộc tổ 11 ấp L, xã Long Hải phân chia thành nhiều gói nhỏ có kích thước khác nhau rồi gọi điện thoại kêu Nguyễn Phước T đến phòng trọ để K bán ma túy cho T, cụ thể: Từ ngày 04 đến ngày 06-6-2025 K bán ma túy cho T 03 lần với tổng số tiền 1.200.000đ.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06-6-2025 Cơ quan chức năng kiểm tra, phát hiện K có hành vi cất giữ trái phép 03 gói ma túy với mục đích để bán kiếm lời nên đã tiến hành lập biên bản thu giữ vật chứng xử lý theo quy định.

Còn đối với Nguyễn Phước T, sau khi mua được ma túy của K vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 05-6-2025, T đem 01 gói ma túy đến Công viên thuộc ấp V, xã Long Hải bán cho Trần Thanh H với giá 350.000đ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06-6-2025, tại khu vực phòng trọ thuộc ấp L, xã Long Hải, T chuẩn bị tiếp tục bán cho H 01 gói ma túy với giá 500.000đ nhưng khi T chưa kịp giao ma túy cho H thì Cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang đồng thời, thu giữ vật chứng để xử lý.

Tại Kết luận giám định số 342/KTHS-MT ngày 11-6-2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Kết luận: gói ma túy thu giữ của Nguyễn Phước T ký hiệu A1 gửi đến giám định có khối lượng 0,1748 gam, là ma túy, loại Methamphetamine và gói ma túy thu giữ của Trần Lê Duy K ký hiệu A2 gửi đến giám định có khối lượng 4,0436gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Vì vậy VKSND khu vực 13, Tp Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 02 Điều 251 BLHS là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hành vi của các bị cáo K và T thuộc trường hợp nghiêm trọng và nguy hiểm vì đã xâm phạm đến an ninh xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo là người trưởng thành, có

sức khỏe nhưng không chí thú làm ăn mà vì ham lợi vật chất dẫn đến hành vi phạm tội. Hành vi đó không những làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế mà còn làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của các bị cáo và những người khác bị kéo theo tệ nạn này. Vì thế cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3.1] Tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thật thà khai báo ăn năn hối cải theo điểm s khoản 01 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa, bị cáo K khai nhận bản thân có thời gian 24 tháng phục vụ trong quân đội (Đi nghĩa vụ quân sự) nên được xem là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 02 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào các tình tiết này để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Vật chứng tạm giữ:

+ 02 phong bì màu trắng, vụ số 342/1, 342/2 ngày 12-6-2025, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; 01 một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) vỏ thuốc lá màu xanh, bên ngoài có chữ YETT; 02 (hai) cái bật lửa, đã qua sử dụng; 01 (một) ống nhựa màu vàng, một đầu được cắt nhọn, một đầu được hàn kín là công cụ để bị cáo thực hiện tội phạm nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen thu giữ của bị cáo T và 01 (một) điện thoại di động Vivo màu xanh đen thu giữ của bị cáo K, đây là phương tiện để các bị cáo thực hiện tội phạm nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[5] Thu nhập bất hợp pháp: bị cáo K bán ma túy thu được số tiền 1.200.000đ và bị cáo T bán ma túy thu được số tiền 350.000đ, đây là thu nhập bất chính nên buộc các bị cáo giao nộp để sung quỹ nhà nước.

[6] Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Trần Lê Duy K và Nguyễn Phước T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2/ Áp dụng điểm b khoản 02 Điều 251; điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51; các Điều 38, 50 BLHS:

- Phạt bị cáo Trần Lê Duy K 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06-6-2025.

3/ Áp dụng điểm b khoản 02 Điều 251; điểm s khoản 01 Điều 51; các Điều 38, 50 BLHS:

- Phạt bị cáo Nguyễn Phước T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06-6-2025.

4/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì màu trắng, vụ số 342/1, 342/2 ngày 12-6-2025, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 vỏ thuốc lá màu xanh, bên ngoài có chữ YETT; 02 cái bật lửa, đã qua sử dụng; 01 ống nhựa màu vàng, một đầu được cắt nhọn, một đầu được hàn kín.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động OPPO màu đen và 01 điện thoại di động Vivo màu xanh đen, đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng trên Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 đang tạm giữ theo biên bản số 07/BB ngày 30-10-2025).

5/ Thu nhập bắt hợp pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS, buộc bị cáo K giao nộp số tiền 1.200.000đ và bị cáo T giao nộp số tiền 350.000đ để sung quỹ nhà nước.

6/ Án phí: áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án. Các bị cáo K và T mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

7/ Căn cứ các Điều 331, 333, 336 và 337 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp HCM.
- Sở Tư pháp Tp HCM.
- VKSND Tp HCM.
- Công an Tp HCM (PV27).
- VKSND khu vực 13.
- Bị cáo + Lưu V phòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

(Đã ký)

Lê Quý Cường.